

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1140/2018/KDTM-PT

Ngày: 29/11/2018

V/v Tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung

Các Thẩm phán:

1/ Ông Ngô Thanh Nhàn

2/ Ông Nguyễn Công Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Phùng Thị Lan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/KDTMPT ngày 12/10/2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

Do Bản án sơ thẩm số 21/2018/KDTM-ST ngày 30/8/2018 của Tòa án nhân dân Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh bị bị đơn kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5135/2018/QĐXX-PT ngày 30/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 9356/2018/QĐ-PT ngày 16/11/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn A.

Địa chỉ: Khu Công nghiệp A, xã Quảng Đông, huyện Q, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thượng T, sinh năm 1960 (Giấy ủy quyền số 11/2017/UQ ngày 30/11/2017)

Địa chỉ: 325/37/53 đường A, Phường B, quận T, Thành phố H.

Bị đơn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển B.

Địa chỉ: Tầng 6, Cao ốc H2, số 196 Hoàng H, Phường C, Quận S, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1993 (Giấy ủy quyền số 02/GUQ-CTHĐQT-COTECLAND ngày 16/5/2018)

Địa chỉ: 70 đường A, thành phố P, tỉnh g.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Thượng T và bà Nguyễn Thị Ngọc A có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Đại diện nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn A trình bày:

Ngày 09/11/2015, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển B (sau đây gọi tắt là Công ty B) ký hợp đồng số BVBD/KC/TP/01 với Công ty Trách nhiệm hữu hạn A (sau đây gọi tắt là Công ty A) về việc cung cấp và thi công khoan hạ đại trà cọc BTLTULTPHC D600A và cọc CDM. Theo nội dung của hợp đồng, Công ty B đồng ý giao và Công ty A đồng ý nhận thực hiện việc cung cấp và thi công hạ cọc thử thí nghiệm nén tĩnh và thi công cọc đại trà BTLTULTPHC D600A và cọc CDM cho dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định, địa chỉ 39A Phạm Ngọc Thạch, thành phố Q, tỉnh B với giá trị hợp đồng là 42.237.074.000 đồng. Ngày 02/02/2016, hai bên ký Phụ lục hợp đồng số 01 về việc điều chỉnh nội dung công việc phải thực hiện và giá trị hợp đồng được điều chỉnh là 40.584.753.000 đồng. Ngày 18/3/2016, hai bên tiếp tục ký Phụ lục hợp đồng số 02 về việc điều chỉnh nội dung công việc phải thực hiện. Công ty A đã xuất hóa đơn cho Công ty B với tổng số tiền là 40.370.558.800 đồng (hóa đơn số 0000019 ngày 31/12/2015, hóa đơn số 0000038 ngày 30/03/2016 và hóa đơn số 0000051 ngày 31/05/2016). Công ty B đã thanh toán cho Công ty A 36.060.879.100 đồng (ngày 12/11/2015 tạm ứng 16.894.829.600 đồng; Ngày 28/04/2016 thanh toán 5.490.623.600 đồng; Ngày 18/07/2016 thanh toán 12.175.425.900 đồng và ngày 19/05/2017 thanh toán 1.500.000.000 đồng).

Hiện nay, Công ty B còn thiếu Công ty A số tiền 4.309.679.700 đồng. Mặc dù Công ty A đã nhiều lần gửi các công văn nhắc nợ nhưng Công ty B vẫn không thanh toán. Do đó, Công ty A yêu cầu Công ty B thanh toán ngay số tiền nợ gốc là 4.309.679.700 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 19/7/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất 0,75%/tháng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty B thanh toán toàn bộ số tiền còn thiếu ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, cụ thể:

+ Tiền nợ gốc là 4.309.679.700 đồng.

+ Tiền nợ lãi tính từ ngày 19/7/2016 đến ngày 19/5/2017 trên dư nợ gốc là 5.809.679.700 đồng với mức lãi suất 0,833%/tháng.

+ Tiền nợ lãi tính từ ngày 20/5/2017 đến ngày 20/7/2018 trên dư nợ gốc là 4.309.679.700 đồng với mức lãi suất 0,833%/tháng.

Đại diện bị đơn, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển B trình bày:

Công ty B thống nhất với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty A. Công ty B xác nhận còn nợ Công ty A số tiền nợ gốc là 4.309.679.700 đồng. Đối với tiền nợ lãi, Công ty B đồng ý thanh toán theo mức lãi suất do Công ty A

yêu cầu là 0,833%/tháng. Tiền nợ lãi tính từ ngày 19/7/2016, nhưng yêu cầu tính trên dư nợ gốc là 4.309.679.700 đồng. Tuy nhiên, do tình hình tài chính của Công ty B hiện đang gặp khó khăn nên không có khả năng thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Công ty B đồng ý thanh toán mỗi tháng từ 500.000.000 đồng đến 700.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ nêu trên.

Bản án số 21/2018/KDTM-ST ngày 30/8/2018 của Tòa án nhân dân Quận S đã tuyên xử như sau:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn A
- Buộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển B có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn A số tiền tính đến ngày 20/7/2018 tổng cộng là 5.296.220.865 đồng. Trong đó, nợ gốc là 4.309.679.700 (bốn tỷ, ba trăm lẻ chín triệu, sáu trăm bảy mươi chín nghìn bảy trăm) đồng và tiền lãi là 986.541.165 (chín trăm tám mươi sáu triệu, năm trăm bốn mươi một nghìn, một trăm sáu mươi lăm) đồng.

Ngoài ra, án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/9/2018, bị đơn Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển B có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn, đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa, nguyên đơn bổ sung yêu cầu về việc tính tiền nợ lãi tính từ ngày 19/7/2016 đến ngày 19/5/2017 trên số nợ gốc là 5.809.679.700 đồng. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là vượt quá phạm vi xét xử theo Điều 247 Bộ luật Tố tụng dân sự, vì vậy đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị đơn, đề nghị hội đồng xét xử hủy phần này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến tranh luận của các đương sự; của luật sư, nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét đơn kháng cáo của bị đơn làm trong hạn luật định nên hợp lệ.

[2] Về nội dung kháng cáo: Phía bị đơn kháng cáo cho rằng từ khi khởi kiện đến khi hòa giải, phía nguyên đơn vẫn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là 4.309.679.700 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 19/7/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất 0,833%/tháng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn lại bổ sung yêu cầu về việc tính tiền nợ lãi từ ngày 19/7/2016 đến ngày 19/5/2017 trên số nợ gốc là 5.809.679.700 đồng. Do đó, bị đơn không đồng ý yêu cầu bổ sung này, mặc dù, bị đơn thừa nhận rằng đến ngày 19/5/2017, bị đơn mới thanh toán cho nguyên đơn số tiền 1.500.000.000 đồng, đến ngày 19/5/2017 số nợ vẫn còn là 5.809.679.700 đồng. Bị đơn đề nghị sửa bản án sơ thẩm. Đây là vấn đề cần xem xét.

[2.1] Xét thấy, tại đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn cũng như biên bản hòa giải (bút lục 115), nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là 4.309.679.700 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 19/7/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất 0,75%/tháng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn lại bổ sung yêu cầu về việc tính tiền nợ lãi từ ngày 19/7/2016 đến ngày 19/5/2017 trên số nợ gốc là 5.809.679.700 đồng, tức là bổ sung thêm yêu cầu tính lãi trên số tiền 1.500.000.000 đồng từ ngày 19/7/2016 đến ngày 19/5/2017. Xét yêu cầu bổ sung này đã vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, do đó, căn cứ Điều 5, Điều 244 Bộ luật Tố Tụng Dân sự, nguyên đơn không được quyền bổ sung yêu cầu khởi kiện này, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu bổ sung nói trên là vượt quá phạm vi xét xử, vi phạm tố tụng nghiêm trọng làm ảnh hưởng quyền lợi của bị đơn. Do đó, chấp nhận kháng cáo của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm phần tính lãi tính từ ngày 19/7/2016 đến ngày 19/5/2017 trên số nợ gốc là 1.500.000.000 đồng.

Cụ thể số lãi được tính như sau: Nợ gốc là 4.309.679.700 đồng x mức lãi suất 0,833%/tháng x 25 tháng 11 ngày từ ngày 19/7/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm là 30/8/2018 = 910.653.998 đồng. Buộc bị đơn thanh toán số nợ gốc là 4.309.679.700 đồng và lãi là 910.653.998 đồng. Tổng cộng là 5.220.333.698 đồng.

Nguyên đơn được quyền yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn về việc tính lãi trên số tiền 1.500.000.000 đồng từ ngày 19/7/2016 đến ngày 19/5/2017 trong vụ án dân sự khác nếu đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị đơn, hủy một phần bản án sơ thẩm, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[5] Về án phí:

[5.1] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Sửa án phí của bản án sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 113.220.334 đồng.

[5.2] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do hủy một phần bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển B. Hủy bản án sơ thẩm phần tính lãi tính từ ngày 19/7/2016 đến ngày 19/5/2017 trên số nợ gốc là 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu đồng).

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn A.

1.2. Buộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển B có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn A thanh toán số nợ gốc là 4.309.679.700 đồng và lãi là 910.653.998 đồng đồng. Tổng cộng là 5.220.333.698 (Năm tỷ hai trăm hai mươi triệu ba trăm ba mươi ba ngàn sáu trăm chín mươi tám đồng).

1.3. Công ty Trách nhiệm hữu hạn A được quyền yêu cầu khởi kiện đối với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển B về việc tính lãi trên số tiền 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu đồng) từ ngày 19/7/2016 đến ngày 19/5/2017 trong vụ án dân sự khác nếu đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật.

1.4. Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí:

2.1. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển B phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 113.220.334 (một trăm mười ba triệu hai trăm hai mươi ngàn ba trăm ba mươi bốn đồng).

Hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm Công ty Trách nhiệm hữu hạn A đã nộp là 56.430.000 (năm mươi sáu triệu bốn trăm ba mươi ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008404 ngày 15/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển B không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Hoàn lại cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển B toàn bộ số tiền tạm ứng án phí

phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 (hai triệu đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009452 ngày 17/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THA DS TPHCM;
- Chi cục THA DS Quận S;
- TAND Quận S;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dung